

HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM
BAN TUYÊN GIÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 58 /CV-TG

V/v triển khai hướng dẫn tuyên truyền...

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2021

Kính gửi: Hội Cựu Chiến binh các tỉnh, thành phố

Căn cứ Hướng dẫn số 17-HD/BTGTW ngày 29/7/2021; Hướng dẫn số 21-HD/BTGTW ngày 11/8/2021 của Ban Tuyên giáo Trung ương; Công văn số 139 – CV/BTG, ngày 10/8/2021 của Ban Tuyên giáo Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương về triển khai thực hiện các nội dung công tác tuyên truyền;

Thực hiện ý kiến Chỉ đạo của đồng chí Trung tướng Khuất Việt Dũng, Phó Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh Việt Nam; Ban Tuyên giáo Trung ương Hội đề nghị các tỉnh, thành Hội và các cơ quan triển khai tuyên truyền các văn bản sau:

1. Quán triệt và triển khai thực hiện lời kêu gọi của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng, Ngày 29/7/2021 gửi đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài; Công điện của Thủ tướng Chính phủ số: 1068/CD-TTg, ngày 05/08/2021 về tăng cường thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid 19 tới toàn thể các cấp Hội và hội viên.

Tổ chức tốt các đợt tuyên truyền, chủ động tích cực tham gia phối hợp với các lực lượng thực hiện chương trình, nội dung, nhiệm vụ, kế hoạch theo yêu cầu phòng, chống dịch của từng địa phương, vận động hội viên và gia đình thực hiện nghiêm những quy định và kế hoạch tham gia tiêm chủng trong phòng chống dịch, vận động các mạnh thường quân, doanh nhân CCB tham gia ủng hộ các lực lượng phòng chống dịch, ủng hộ gia đình hội viên gặp khó khăn, gia đình hội viên F0 từ trần.

Thứ 6 hàng tuần tổng hợp báo cáo *tình hình dịch Covid* về Thường trực Trung ương Hội qua Ban Tuyên giáo bằng hộp thư điện tử : **trongphong46@gmail.com**; điện thoại thường trực: 0987835658(đ/c Phòng); báo cáo ngắn gọn gồm : Tổng số các cấp hội; tổng số gia đình hội viên nằm trong diện giãn cách theo Chỉ thị 16/CP, tổng số hội viên là F0, F1, tổng số gia đình hội viên gặp khó khăn, tổng số hội viên là F0 từ trần kèm theo đó là số tiền hỗ trợ cho từng đối tượng và tổng số tiền vận động quyên góp ủng hộ các cơ quan tổ chức phòng chống dịch. Tổng số hội viên tham gia các tổ, đội phòng chống dịch.

2. Đề cương tuyên truyền Kỷ niệm 60 năm Ngày mở Đường Hồ Chí Minh trên biển (23/10/1961 – 23/10/2021) (Có văn bản kèm theo);

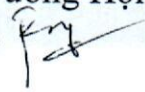
Các tỉnh, thành Hội, nhất là những nơi có di tích lịch sử, địa danh gắn với Đường Hồ Chí Minh trên biển; căn cứ tình hình cụ thể, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, kỷ niệm thiết thực, phù hợp, hiệu quả.

3. Đề cương tuyên truyền Kỷ niệm 110 năm Ngày sinh đồng chí Lê Đức Thọ (10/10/1911 – 10/10/2021) (Có văn bản kèm theo).

4. Hướng dẫn số 13-HD/BTGTW ngày 19/7/2021 của Ban Tuyên giáo Trung ương về tăng cường công tác tuyên truyền việc thực hiện không săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, tàng trữ, quảng cáo, xâm hại động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm.

5. Hướng dẫn số 20-HD/BTGTW ngày 6/7/2021 của Ban Tuyên giáo Trung ương về thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống HIV/AIDS, tiến tới chấm dứt dịch bệnh AIDS trước năm 2030.

Nội dung Hướng dẫn số 13 và số 20, truy cập vào website Tạp chí Tuyên giáo của Ban Tuyên giáo Trung ương, địa chỉ truy cập: http://www.tuyengiao.vn/Tu_lieu_de_lay_noi_dung_cac_tai_lieu_tren.

Ban Tuyên giáo Trung ương Hội trân trọng đề nghị các tỉnh, thành Hội và các cơ quan triển khai thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực TW Hội (để b/c);
- Ban Tuyên giáo đảng ủy Khối (để b/c);
- Các cơ quan Trung ương Hội;
- Văn phòng, Báo CCB, Làng Hữu nghị;
- Lưu: VT. TG; V(80b).



Hồ Bá Vinh

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021



LỜI KÊU GỌI

CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG

**gửi đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài
về công tác phòng, chống đại dịch Covid-19**

Thưa đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài,

Trong thời gian qua, trước những diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh Covid-19, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chỉ đạo về tăng cường công tác phòng, chống dịch, chăm lo đời sống, bảo vệ sức khỏe nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội; ban hành kịp thời nhiều chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19... Các cấp, các ngành, các địa phương và nhân dân cả nước đã chủ động, kịp thời thực hiện các biện pháp mạnh mẽ, quyết liệt như giãn cách, cách ly xã hội, "chiến lược vắc-xin", "vắc-xin và biện pháp 5K"... để phòng, chống, ngăn chặn dịch bệnh, bước đầu đã thu được một số kết quả tích cực.

Thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt hoan nghênh, biểu dương và đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực của nhân dân trong nước, đồng bào ta ở nước ngoài đã phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái; cảm ơn cộng đồng quốc tế đã đồng hành, ủng hộ, chung tay góp sức cùng Việt Nam trong công tác phòng, chống dịch; biểu dương sự vào cuộc kịp thời, tích cực của cả hệ thống chính trị đã góp phần kiểm chế, ngăn chặn sự bùng phát của dịch bệnh; phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Hiện nay, tình hình đại dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến rất phức tạp, tốc độ lây lan rất nhanh, gây tổn hại lớn về sức khỏe và tính mạng

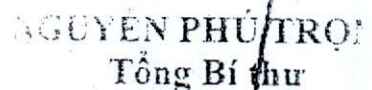
của người dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế - xã hội và mọi mặt của đời sống. Với tinh thần "chống dịch như chống giặc", bảo vệ sức khỏe, tính mạng của nhân dân là trên hết, trước hết, thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, tôi tha thiết kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và đồng bào ta ở nước ngoài: Chúng ta đã cố gắng càng cố gắng hơn nữa; đã đoàn kết càng đoàn kết hơn nữa; đã quyết tâm càng quyết tâm cao hơn nữa; toàn dân tộc muôn người như một, đồng lòng cùng Đảng, Chính phủ, các cấp, các ngành tìm mọi cách quyết ngăn chặn, đẩy lùi bằng được, không để dịch lan rộng, bùng phát trong cộng đồng. Tôi yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 từ Trung ương tới cơ sở phải quyết liệt hơn nữa trong lãnh đạo, chỉ đạo; tập trung cao nhất công sức, thời gian, ưu tiên mọi nguồn lực; chủ động nắm chắc và dự báo, kiểm soát tốt tình hình; tuyệt đối không được lơ là, chủ quan, không để bị động, bất ngờ trong ứng phó với diễn biến mới của dịch bệnh; linh hoạt, sáng tạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công việc hệ trọng này.

Tôi tin tưởng sâu sắc rằng, cả nước góp sức, toàn Đảng, toàn dân đồng lòng, thống nhất ý chí và hành động, cùng với sự giúp đỡ chí tình của đồng bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế, nhất định chúng ta sẽ chiến thắng đại dịch Covid-19 và phải chiến thắng cho bằng được, góp phần xứng đáng vào sự nỗ lực chung của toàn nhân loại vì một thế giới an toàn, lành mạnh, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và thịnh vượng, xứng đáng với truyền thống anh hùng vẻ vang của Đất nước ta, Dân tộc ta!



NGUYỄN PHÚ TRỌNG
Tổng Bí thư

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam



NGUYỄN PHÚ TRỌNG
Tổng Bí thư

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam



**ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN KỶ NIỆM
110 NĂM NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ
TUYÊN GIÁO (10/10/1911 - 10/10/2021)**

**I. KHÁI LƯỢC TIỂU SỬ VÀ QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG
CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ**

Đồng chí Lê Đức Thọ, tên chính là Phan Đình Khải sinh ngày 10/10/1911 tại xã Định Lễ, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, nay là xã Nam Vân, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Đồng chí hoạt động cách mạng từ năm 1926, tham gia phong trào bãi khóa và lễ truy điệu nhà chí sỹ yêu nước Phan Chu Trinh. Năm 1928, hoạt động trong Học sinh Hội, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh Đảng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Nam Định.

Tháng 10/1929, Đồng chí được kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng, làm Bí thư chi bộ học sinh và phụ trách công tác thanh niên học sinh. Tháng 11/1930, bị thực dân Pháp bắt, kết án 10 năm tù khổ sai, đày ra Côn Đảo, được cấp ủy chi bộ nhà tù Côn Đảo cử làm Bí thư chi bộ và Thường vụ chi ủy nhà tù.

Năm 1936 - 1939, Đồng chí ra tù và được giao phụ trách công tác báo chí công khai của đảng bộ và xây dựng cơ sở bí mật của Đảng ở Nam Định.

Từ năm 1939 - 1944, Đồng chí bị địch bắt và kết án tù 5 năm tại các nhà tù Hà Nội, Sơn La và Hòa Bình. Tháng 9/1944, ra tù được Trung ương Đảng giao phụ trách công tác khu an toàn của Trung ương, công tác tổ chức và huấn luyện cán bộ.

Tháng 10/1944, Đồng chí được chỉ định là ủy viên Trung ương Đảng và trực tiếp phụ trách Xứ ủy Bắc Kỳ; Đồng chí dự hội nghị mở rộng Ban Thường vụ Trung ương Đảng đêm 09/3/1945 để ra chủ trương mới phát động cao trào cách mạng đi tới cuộc Tổng khởi nghĩa.

Tháng 8/1945, tại Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng ở Tân Trào, Đồng chí được cử vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, phụ trách công tác tổ chức của Đảng. Tháng 12/1946, dự Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định toàn quốc kháng chiến.

Năm 1948, thay mặt Trung ương Đảng tham gia Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ vào miền Nam công tác. Năm 1949, làm Phó Bí thư Xứ ủy Nam Bộ.

Năm 1951, tại Đại hội lần thứ II của Đảng, Đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, làm Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Từ năm 1949 - 1954, làm Trưởng ban Tổ chức Trung ương Cục miền Nam.

Năm 1955, Đồng chí tập kết ra Bắc, làm Trưởng ban Thống nhất Trung ương. Cuối năm 1955 được bổ sung vào Bộ Chính trị phụ trách công tác sửa sai trong cuộc vận động cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức.

Cuối năm 1956, Đồng chí làm Trưởng ban Tổ chức Trung ương; từ tháng 11/1956 đến năm 1961 kiêm Giám đốc Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương.

Năm 1960, tại Đại hội lần thứ III của Đảng, đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, làm Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng. Năm 1966, kiêm Hiệu trưởng Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương. Năm 1967, được cử vào Quân ủy Trung ương.

Sau cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968, đồng chí được Bộ Chính trị cử vào miền Nam làm Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Đến tháng 5/1968, được Bộ Chính trị gọi ra miền Bắc, giao nhiệm vụ phụ trách công tác đấu tranh ngoại giao, làm cố vấn đặc biệt của Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Paris bàn về lập lại hòa bình ở Việt Nam và trực tiếp đàm phán với đại diện của Chính phủ Mỹ trong các cuộc nói chuyện riêng giải quyết hòa bình về vấn đề Việt Nam. Sau Hiệp định Paris về Việt Nam (1973), đồng chí được cử làm Trưởng ban miền Nam của Trung ương.

Trước thời cơ chiến lược vừa được mở ra, cuối tháng 3/1975, Đồng chí vào chiến trường trực tiếp cùng Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam lãnh đạo, chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh giành toàn thắng.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất (30/4/1975), Đồng chí được phân công làm Phó ban đại diện của Đảng và Chính phủ ở miền Nam.

Tháng 12/1976, tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, Đồng chí tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và làm Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

Giữa năm 1977 đến tháng 1/1979, Đồng chí được Bộ Chính trị phân công phụ trách công tác đặc biệt.

Năm 1980, đồng chí được cử làm Bí thư Thường trực và phụ trách công tác tổ chức; tháng 10/1980 kiêm Hiệu trưởng Trường Chính trị đặc biệt.

Tại Đại hội lần thứ V của Đảng (3/1982), Đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và làm Bí thư Thường trực, phụ trách công tác tư tưởng, nội chính, ngoại giao. Năm 1983, được chỉ định làm Phó Chủ tịch Ủy ban Quốc phòng của Đảng.

Năm 1986, đồng chí làm Trưởng Tiểu ban nhân sự Đại hội lần thứ VI của Đảng và tại Đại hội (tháng 12-1986), Đồng chí được cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Với 64 năm hoạt động cách mạng liên tục, đồng chí Lê Đức Thọ đã đem tâm sức, tài năng và trí tuệ của mình cống hiến cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và nhân dân ta, là một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Tên tuổi và sự nghiệp của Đồng chí gắn liền với những giai đoạn của cách mạng Việt Nam, gắn liền với những thành quả cách mạng vĩ đại của dân tộc, là một trong những đồng chí lãnh đạo có nhiều cống hiến lớn cho sự nghiệp cách mạng, để lại cho đồng bào, đồng chí những tình cảm vô cùng quý mến. Đảng và Nhà nước ta đã trao tặng Đồng chí Huân chương Sao vàng và nhiều Huân chương cao quý khác; Đảng và Nhà nước Liên Xô tặng Huân chương Cách mạng Tháng Mười; Đảng và Nhà nước Campuchia tặng Huân chương Ăngco.

II. ĐÓNG GÓP QUAN TRỌNG CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC THỌ VỚI SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG VÀ DÂN TỘC

1. Đồng chí Lê Đức Thọ, lớp đảng viên đầu tiên của Đảng, giàu nhiệt huyết và bản lĩnh cách mạng, góp phần quan trọng vào thành công của cuộc Cách mạng Tháng Tám (1945)

Đồng chí Lê Đức Thọ sinh ra trong một gia đình nho giáo, ở vùng đất có truyền thống yêu nước, hiếu học; 14 tuổi lên thành phố Nam Định học tập, đây là trung tâm công nghiệp dệt lớn nhất Đông Dương thời bấy giờ, một trong những cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam, nơi phong trào yêu nước và cách mạng phát triển rất mạnh. Lê Đức Thọ đã hòa mình vào các hoạt động của học sinh, hăng hái tham gia phong trào biểu tình, bãi khóa đấu tranh đòi thực dân Pháp thả nhà yêu nước Phan Chu Trinh. Năm 15 tuổi, tiếp xúc với tư tưởng yêu nước do các hội viên của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên truyền bá, được giác ngộ lý tưởng cách mạng, Đồng chí đã tích cực tham gia các hoạt động trong học sinh. 17 tuổi, đồng chí đã đứng trong đội ngũ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Được đấu tranh và rèn luyện trong tổ chức cách mạng, Đồng chí đã đem nhiệt huyết của tuổi trẻ đấu tranh chống áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến và vinh dự được kết nạp vào Đông Dương cộng sản Đảng (tháng 10/1929) khi mới 28 tuổi, thuộc lớp đảng viên cộng sản đầu tiên của Đảng ta.

Ngày 7/11/1930, Đồng chí bị thực dân Pháp bắt giam, tra tấn dã man và ngày 27/01/1931, bị tòa án thực dân kết án tù khổ sai chung thân. Đồng chí đã kiên quyết đấu tranh, chống án, buộc Tòa Thượng thẩm thực dân phải giảm mức án xuống 10 năm khổ sai và đày ra nhà tù Côn Đảo, nơi được coi là địa ngục trần gian, tại đây Đồng chí được tin nhiệm cử vào Ban Thường vụ chi ủy nhà tù và Bí thư chi bộ. Năm 1936, trước sức đấu tranh mạnh mẽ của Nhân dân ta và phong trào Bình dân ở Pháp, bọn thực dân ở Đông Dương phải trả tự do cho một số tù chính trị, trong đó có đồng chí Lê Đức Thọ. Đồng

chí trở lại quê hương Nam Định, tiếp tục hoạt động cách mạng, gây dựng một số cơ sở bí mật của Đảng ở Nam Định, xây dựng đại lý phát hành sách báo để tuyên truyền sách báo của Đảng, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê nin; cùng tập thể cấp ủy Nam Định lãnh đạo phong trào đấu tranh của Nhân dân theo hướng đòi dân sinh, dân chủ.

Năm 1939, biết rõ đồng chí Lê Đức Thọ là một trong những cán bộ lãnh đạo chủ chốt phong trào cách mạng ở Nam Định, thực dân Pháp cho mật thám theo dõi, khám xét, bắt Đồng chí và khép tội "phản tử nguy hiểm cho an ninh" vào tháng 9/1939, kết án 5 năm tù, lưu đầy tại các nhà tù Hỏa Lò - Hà Nội và Sơn La, Hòa Bình, trong lao tù độc ác của bọn thực dân, bị địch tra tấn dã man, đồng chí vẫn luôn luôn nêu cao khí tiết của người cộng sản, kiên cường, bất khuất, dũng cảm đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu của địch, biến nhà tù thành trường học cách mạng, thành nơi đào tạo cán bộ của Đảng, thường xuyên tổ chức học tập chính trị, lý luận cách mạng, động viên bạn tù giữ vững tinh thần chiến đấu. Đồng chí nói *"Người cách mạng bất kỳ ở đâu, trong hoàn cảnh nào cũng phải chăm lo việc học tập để nâng cao trình độ, cống hiến được nhiều hơn cho phong trào"*. Trong thời kỳ hoạt động bí mật, đồng chí đã 3 lần bị địch bắt, hai lần bị kết án, những năm lưu đầy, khổ sai khắc nghiệt trong nhà tù đã tôi luyện trong Đồng chí Lê Đức Thọ ý chí cách mạng bất khuất và lòng kiên trung với Đảng, với Tổ quốc và Nhân dân.

Năm 1944, hết hạn tù, Đồng chí được Đảng phân công về hoạt động ở An toàn khu (ATK) của Trung ương, phụ trách công tác đảm bảo bí mật, an toàn cho ATK. Đồng chí đã có một số đóng góp tại Hội nghị mở rộng Ban Thường vụ Trung ương Đảng đêm 09/3/1945 để ra chủ trương phát động cao trào cách mạng đi tới Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi. Tháng 8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang) quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước trước khi quân đồng minh vào Đông Dương, tại Hội nghị Đồng chí được cử vào Thường vụ Trung ương Đảng, trực tiếp tham gia cùng tập thể Ban Chấp hành Trung ương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, phát động và lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi; xóa bỏ ách áp bức, bóc lột của chế độ phong kiến, thực dân; lập nên nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử nước ta: Kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Khi nước nhà mới giành được độc lập, Đồng chí được Đảng giao phụ trách công tác tổ chức Đảng; cùng với một số đồng chí lãnh đạo khác của Đảng có công lớn trong việc giúp Trung ương bố trí, phát triển lực lượng Đảng, đoàn thể, xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng. Trong những điều kiện hết sức khó khăn, phức tạp, vừa chống thù trong, vừa chống giặc ngoài, Đồng chí đã chỉ đạo tốt công tác bảo vệ chính quyền, giữ vững và phát huy thắng lợi của

cách mạng, kịp thời chuẩn bị cho đất nước bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược.

2. Đồng chí Lê Đức Thọ là một trong những đồng chí lãnh đạo có công lao lớn trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả của Đảng, Nhà nước và Nhân dân

Năm 1948, đồng chí được cử thay mặt Trung ương Đảng trong Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ vào miền Nam trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ. Được giao trọng trách Phó Bí thư Xứ ủy Nam Bộ (năm 1949) và sau đó làm Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Cục miền Nam (từ 1949 - 1954); Đồng chí luôn hiểu rõ vai trò của công tác cán bộ trong sự nghiệp cách mạng của Đảng. Ngay sau khi tới căn cứ của Xứ ủy Nam Bộ ở Đồng Tháp Mười, đồng chí Lê Đức Thọ đã cùng Thường vụ Xứ ủy chăm lo xây dựng kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo của Xứ ủy, củng cố và thành lập mới các ban chuyên môn, như: Ban Tổ chức, Ban Dân vận, Ban Công vận, Nông vận, Thanh vận, Tôn giáo, Hoa vận, Khơ me vận...; cử nhiều cán bộ của Xứ ủy trực tiếp xuống các Khu, Tỉnh để nắm rõ tình hình và chỉ đạo phong trào; đảm bảo giữ mối liên hệ trực tiếp và thông suốt với Thường vụ Trung ương Đảng và Bác Hồ. Sau khi rời khỏi căn cứ của Xứ ủy Nam Bộ từ Đồng Tháp Mười xuống miền Tây Nam Bộ, Đồng chí chủ động đặt vấn đề với Thường vụ Xứ ủy xây dựng Trường Trường Chinh, mở lớp huấn luyện, bồi dưỡng, nâng cao trình độ của cán bộ Tỉnh, Khu và là một trong những giảng viên chủ yếu của các lớp huấn luyện, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ Nam Bộ vừa có trình độ lý luận chính trị, vừa có thực tiễn đấu tranh cách mạng. Nhờ đó, các hoạt động chỉ đạo của Đảng có sự thống nhất, thông suốt, chặt chẽ, hiệu quả, góp phần đưa cuộc kháng chiến của Nhân dân Nam Bộ phát triển, giành được những thắng lợi vẻ vang, xứng đáng với danh hiệu vẻ vang "Thành đồng Tổ quốc".

Sau Hội nghị Giơ-ne-vơ 1954, Đồng chí Lê Đức Thọ được điều ra miền Bắc công tác và được bổ sung vào Bộ Chính trị (cuối năm 1955), được Bộ Chính trị phân công làm Trưởng Ban Tổ chức Trung ương (năm 1956).

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Chính trị và trực tiếp của đồng chí Lê Đức Thọ, Ban Tổ chức Trung ương đã tổ chức thành công Hội nghị toàn quốc về công tác tổ chức của Đảng. Hội nghị đã phân tích sâu sắc tình hình công tác tổ chức, xác định chuyển hướng công tác tổ chức và cán bộ theo yêu cầu cách mạng: Xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ, giải phóng Miền Nam thống nhất nước nhà. Trong bối cảnh tình hình nhiệm vụ và yêu cầu mới của cách mạng, cùng với các đồng chí trong Bộ Chính trị và tập thể Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Lê Đức Thọ đã tập trung sức lực, trí tuệ vào việc xây dựng, kiện toàn bộ máy lãnh đạo của Đảng; xây

dựng, quản lý và bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng ở cả hai miền Nam - Bắc.

Tại Đại hội III của Đảng, Đồng chí thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng trình bày Báo cáo về xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng năm 1951. Báo cáo xây dựng Đảng và Điều lệ Đảng thông qua tại Đại hội Đảng lần thứ III (năm 1960) xác định nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, ghi nhận một bước phát triển của Đảng ta trong công tác xây dựng Đảng. Đồng chí rất quan tâm đến công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, nghiên cứu lịch sử Đảng. Đặc biệt, trên cương vị là Trưởng Tiểu ban nhân sự (Đại hội III đến Đại hội IV), Đồng chí đã có nhiều đóng góp giúp Bộ Chính trị chuẩn bị tốt việc bầu Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Đại hội.

Trên cương vị là người đứng đầu Ban Tổ chức Trung ương, đồng chí Lê Đức Thọ luôn nhắc nhở và yêu cầu cán bộ làm công tác tổ chức phải đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu từng cán bộ thuộc trách nhiệm quản lý, hiểu rõ trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức cán bộ thông qua việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở đó tham mưu cho lãnh đạo cất nhắc, điều động cán bộ cho đúng người, đúng việc. Đồng chí nhắc nhở cán bộ tổ chức phải trung thực, công tâm, khách quan, không được cậy quyền thế, không lộng quyền. Ghi nhận công lao to lớn của đồng chí Lê Đức Thọ đối với công tác tổ chức, Đảng ta khẳng định “Trong nhiều năm phụ trách công tác tổ chức cán bộ của Đảng, là lĩnh vực công tác rất khó khăn, phức tạp, Đồng chí đã để lại cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm bổ ích đối với công cuộc đổi mới hiện nay”¹.

Năm 1967, đồng chí được cử vào Quân ủy Trung ương. Sau cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, được Bộ Chính trị cử vào miền Nam làm Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Từ tháng 5/1968, đồng chí làm cố vấn đặc biệt của Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa tại Hội nghị Paris, trực tiếp đàm phán với Mỹ về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Với bản lĩnh của một nhà chính trị già dặn, bằng tài trí, sự khôn khéo, linh hoạt, sáng tạo trong từng phương án cụ thể, đồng chí đã thực hiện phương châm kiên trì đấu tranh, giành thắng lợi từng bước, tiến tới giành thắng lợi cuối cùng. Đồng chí là người góp phần to lớn vào việc buộc Hoa Kỳ phải ký kết Hiệp định Pa-ri, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Trên cương vị là đại diện của Bộ Chính trị chỉ đạo cuộc Tổng tiến công, nổi dậy mùa Xuân 1975 và tham gia chỉ đạo chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đồng chí đã góp phần quan trọng, cùng quân và dân cả nước thực hiện trọn vẹn mong ước của Bác Hồ: “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đối với sự nghiệp cách mạng quốc tế, đồng chí

¹ Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đọc tại Lễ tang đồng chí Lê Đức Thọ, ngày 17/10/1990

Lê Đức Thọ đã có nhiều đóng góp lớn lao trong việc ủng hộ, giúp đỡ nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng do chế độ Khơ-me Đỏ gây ra, thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta.

3. Đồng chí Lê Đức Thọ là một nhà lãnh đạo có tài năng về nhiều mặt

Đồng chí Lê Đức Thọ là một trong những nhà lãnh đạo tiền bối, tiêu biểu của Đảng và Nhà nước ta, có đóng góp quan trọng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc trên nhiều mặt.

Công tác tổ chức của Đảng là sự nghiệp hầu như suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Lê Đức Thọ. Trong lao tù ở Côn Đảo, Hòa Bình, hay sau khi ra tù trở về hoạt động ở ATK, khi công tác ở Miền Nam, khi tham gia Bộ Chính trị, đồng chí đều được Đảng và Bác Hồ tín nhiệm giao phụ trách công tác tổ chức của Đảng. Trên cương vị ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, đồng chí đã trực tiếp chỉ đạo công tác nghiên cứu, biên soạn dự thảo các văn kiện từ Đại hội III đến Đại hội VI của Đảng. Với nhiệm vụ được giao phụ trách về công tác xây dựng Đảng và công tác tổ chức, đồng chí Lê Đức Thọ đã góp phần vào việc phát triển lý luận về xây dựng Đảng của một Đảng cầm quyền, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đồng chí là người trực tiếp chỉ đạo xây dựng Tạp chí Xây dựng Đảng và có nhiều bài viết sâu sắc về công tác tổ chức của Đảng được đông đảo cán bộ, đảng viên quan tâm nghiên cứu và vận dụng.

Trong cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, với cương vị Cố vấn đặc biệt của Đoàn đại biểu Chính phủ ta, đồng chí Lê Đức Thọ đã thể hiện năng lực của một nhà ngoại giao tài ba, nhà thương thuyết có tầm nhìn chiến lược, khôn khéo, "vừa đánh vừa đàm", kiên quyết về nguyên tắc, linh hoạt về sách lược. Trong các cuộc đàm phán trực tiếp công khai và nói chuyện với đại diện Chính phủ Mỹ, đồng chí đã chủ động tiến công ngoại giao đến cùng với Mỹ kéo dài trong hơn 5 năm tại Thủ đô Paris, đã làm thất bại mọi âm mưu và phá sản mọi con bài ngoại giao của Mỹ, thực hiện đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "đánh cho Mỹ cút". Thắng lợi của cách mạng nước ta tại Hội nghị Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam là thắng lợi của trí tuệ, thắng lợi của chính nghĩa, thắng lợi của một dân tộc anh hùng, dưới sự lãnh đạo của Đảng chân chính có đường lối chính trị đúng đắn, sáng tạo, trong chiến thắng này có đóng góp quan trọng của đồng chí Lê Đức Thọ. Những hoạt động ngoại giao của đồng chí Lê Đức Thọ tại Hội nghị Paris đã để lại một số bài học kinh nghiệm quý cho nền ngoại giao Việt Nam.

Trong cuộc hành trình qua các thời kỳ lịch sử của cách mạng, dù rất bận rộn với công việc của Đảng, đồng chí Lê Đức Thọ vẫn dành thời gian làm thơ ghi lại những suy nghĩ, cảm xúc của mình. Là người chiến sĩ cách mạng yêu thơ và làm thơ ngay từ khi bước vào đời hoạt động cách mạng, bị giam cầm

trong ngục tù đế quốc, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, trong hành trình công tác từ Bắc vào Nam, lên các vùng biên giới, đồng chí Lê Đức Thọ đã sáng tác nhiều bài thơ có giá trị, được tập hợp in trong hai tập thơ: "Trên những nẻo đường" và "Nhật ký đường ra tiền tuyến". Những sáng tác của Đồng chí vừa giàu chất thực tế, có tính thời sự sâu sắc, vừa chứa chan tình cảm cách mạng, thiết tha yêu đời, yêu người; nhiều tác phẩm ẩn chứa tình cảm, suy nghĩ sâu sắc và chân thành của một nhà tư tưởng, một nhà hoạt động chính trị tài năng, nhà ngoại giao bản lĩnh, một chiến sĩ cộng sản kiên trung từng vào sinh ra tử trên khắp nẻo đường cách mạng. Thơ Lê Đức Thọ nặng tình non nước, nặng nghĩa với đồng chí, đồng bào, thủy chung với Đảng, với cách mạng và đồng cảm với các chiến sĩ bộ đội. Trong đó nhiều bài thơ có giá trị trong nền thơ ca cách mạng Việt Nam, đã được đồng bào và chiến sĩ chuyền tay nhau đọc, chép vào sổ tay, mang theo trong hành trang chiến đấu, công tác như "Lòng xuân chiến sĩ", "Ý xuân", "Lời anh dặn", "Điểm tựa", "Thăm anh", "Anh chiến sĩ an ninh", "Tình Miên - Việt".

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, đồng chí Lê Đức Thọ đã đem hết tâm sức, tài năng và trí tuệ của mình cống hiến cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và của dân tộc. Đồng chí là nhà lãnh đạo tài năng của Đảng với những phẩm chất nổi bật: Sự kết hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo đường lối với chỉ đạo và tổ chức cụ thể; giữa tính kiên định về nguyên tắc với tính sáng tạo và tinh thần đổi mới trong hành động; giữa lý luận với thực tiễn; giữa lời nói và việc làm. Đồng chí xứng đáng là "một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại", và xứng đáng với những "công trạng to lớn vì Đảng, vì Dân" mà Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã tuyên dương. Tấm gương về lòng trung thành tận tụy với Tổ quốc, với Đảng và Nhân dân, tinh thần cách mạng dũng cảm, kiên cường, bất khuất, đức tính cần, kiệm, liêm, chính và tình thương đối với cán bộ của đồng chí Lê Đức Thọ được toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta yêu thương và kính trọng. *K*

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
Kỷ niệm 60 năm Ngày mở Đường Hồ Chí Minh trên biển
(23/10/1961 - 23/10/2021)

I. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH TRÊN BIỂN

1. Sự ra đời Đường Hồ Chí Minh trên biển

Sau năm 1954, với âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, các thế lực cầm quyền của đế quốc Mỹ và tay sai đã ngang nhiên xóa bỏ hiệp định Giơ-ne-vơ, đưa quân xâm lược, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, làm bàn đạp tấn công miền Bắc. Trước tình hình đó, Đảng ta đã xác định, con đường giải phóng miền Nam là con đường cách mạng bạo lực và đề ra chủ trương, nhanh chóng tổ chức chi viện sức người, sức của, vũ khí từ miền Bắc xã hội chủ nghĩa cho chiến trường miền Nam.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy, ngày 19/5/1959, “Đoàn công tác quân sự đặc biệt” (đơn vị tiền thân của Đoàn 559) được thành lập với nhiệm vụ xây dựng tuyến chi viện chiến lược trên bộ và trên biển cho miền Nam. Đến tháng 7/1959, Tiểu đoàn 603 trực thuộc Đoàn 559 được thành lập, có nhiệm vụ nghiên cứu tìm phương thức vận chuyển bằng đường biển chi viện vũ khí cho chiến trường miền Nam. Để giữ bí mật, Tiểu đoàn lấy tên là “Tập đoàn đánh cá Sông Gianh”. Cuối năm 1959, Tiểu đoàn 603 tổ chức chuyến thuyền vượt biển đầu tiên vào chiến trường Khu V nhưng không thành công, do vậy Tổng Quân ủy quyết định cho Tiểu đoàn 603 ngừng hoạt động để tìm phương án mới.

Đầu năm 1960, cùng với phong trào Đồng khởi Bến Tre, phong trào cách mạng của các tỉnh đồng bằng Nam Bộ chuyển mạnh lên thế tiến công và trở thành cao trào đồng khởi rộng khắp. Để đáp ứng yêu cầu vận chuyển vũ khí, hàng hóa chi viện cho chiến trường Nam Bộ và Nam Trung Bộ, trong khi vận chuyển đường bộ của Đoàn 559 trên dãy Trường Sơn chưa vươn tới; Tổng Quân ủy tiếp tục chỉ đạo Bộ Tổng Tham mưu khẩn trương nghiên cứu đề án mới về xây dựng và tổ chức lực lượng vận tải biển chi viện cho chiến trường Nam Bộ và Khu 5; Bộ Chính trị chỉ thị cho Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo các tỉnh ven biển ở miền Trung và Nam Bộ chủ động chuẩn bị bến, bãi và tổ chức đưa thuyền vượt biển ra miền Bắc, vừa thăm dò, nắm tình hình địch, nghiên cứu tuyến vận chuyển trên biển, vừa nhận vũ khí để kịp thời cung cấp cho cách mạng miền Nam.

Từ giữa năm 1961 đến giữa năm 1962, lãnh đạo của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ở các tỉnh Bến Tre, Cà Mau, Trà Vinh và Bà Rịa đã cử 5 thuyền gỗ từ miền Nam ra miền Bắc để báo cáo tình hình, xin tiếp tế vũ khí và sau đó trực tiếp vận chuyển vũ khí, dẫn đường cho các tàu tiếp tế giả dạng tàu đánh cá từ Bắc vào Nam. Những chuyến thuyền vận chuyển thành công là một trong những cơ sở quan trọng để xúc tiến việc thành lập đoàn vận tải thủy tiếp tế vũ khí cho miền Nam. Ngày 23/10/1961, Bộ Tổng Tư lệnh ra Quyết định số 97/QP thành lập Đoàn 759 vận tải thủy, đồng chí Trung tá Đoàn Hồng Phước làm Đoàn trưởng. Lực lượng của Đoàn ban đầu có 38 cán bộ, chiến sĩ, trong đó có 20 đồng chí thuộc các thuyền của Bến Tre, Trà Vinh và Liên khu V vừa điều ra. Cuối năm 1961, Đề án công tác của Đoàn đã được Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh thông qua.

Quyết định thành lập Đoàn 759 thể hiện tầm nhìn chiến lược và sáng tạo của Bộ Chính trị mà trực tiếp là Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh, đánh dấu mốc lịch sử quan trọng, mở ra bước phát triển mới của tuyến đường vận tải chiến lược trên biển chỉ viện cho chiến trường miền Nam. Ngày 23/10 trở thành Ngày truyền thống của Đoàn 759, tiền thân Lữ đoàn 125, Bộ Tư lệnh Vùng 2 - Quân chủng Hải quân ngày nay, đồng thời là **Ngày mở Đường Hồ Chí Minh trên biển**.

2. Sự phát triển Đường Hồ Chí Minh trên biển

a) *Giai đoạn 1962 - 1965: Táo bạo - bí mật - bất ngờ vận chuyển chỉ viện chiến trường, góp phần đánh thắng chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ*

Thực hiện chủ trương của của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, sau khi rút kinh nghiệm các chuyến vận chuyển đường biển từ Bắc vào Nam chưa thành công, Đoàn 759 quyết định để thuyền "Bạc Liêu" đi chuyến trình sát, mở đường từ Bắc vào Nam. Đêm ngày 10/4/1962, thuyền rời cửa Nhật Lệ (Quảng Bình) đi về hướng Nam; đến 10 giờ đêm ngày 18/4/1962 cập vào Vàm Lũng (Ngọc Hiển, Cà Mau). Nghiên cứu, khảo sát bến xong, thuyền Bạc Liêu tiếp tục quay trở ra miền Bắc; chuyến đi trình sát, mở đường từ Bắc vào Nam đã thành công.

Trung tuần tháng 8/1962, Quân ủy Trung ương thông qua Nghị quyết "Mở đường vận chuyển chiến lược trên biển". Từ đây, Đoàn 759 bước vào một giai đoạn vận chuyển mới, nhận bàn giao 4 tàu gỗ từ Xưởng đóng tàu I (Hải Phòng) và tiếp nhận bổ sung cán bộ. Để bảo đảm bí mật cho tuyến đường vận tải đặc biệt, những chiếc tàu của Đoàn 759 phải cải hoán thành tàu đánh cá, không có số hiệu cố định, xen kẽ, trà trộn vào những đoàn tàu đánh cá của ngư dân địa phương trên biển, tên gọi "Đoàn tàu không số" được ra đời.

Đêm 11/10/1962, chiếc tàu gỗ đầu tiên do đồng chí Lê Văn Một làm Thuyền trưởng, đồng chí Bông Văn Dĩa làm Chính trị viên tàu cùng 11 thủy thủ đã rời bến Đồ Sơn (Hải Phòng); ngày 16/10, tàu cập bến Vàm Lũng (Cà Mau), 30 tấn vũ khí từ hậu phương miền Bắc đã được chuyển đến chiến trường miền Nam an toàn. Sau thắng lợi chuyến đi đầu tiên, 3 chuyến tiếp theo lần lượt vào Nam. Trong hai tháng, 4 chuyến tàu của Đoàn 759 đã vận chuyển được 111 tấn vũ khí cho Khu 9 an toàn. Đây là một thắng lợi lớn, góp phần củng cố niềm tin và quyết tâm của quân dân miền Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Khi tuyến đường vận tải biển được khai thông, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện biểu dương khen ngợi, đồng thời nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ Đoàn 759 hãy nhanh chóng rút kinh nghiệm, tiếp tục vận chuyển nhanh hơn nữa, nhiều hơn nữa vũ khí cho đồng bào miền Nam giết giặc.

Những chuyến tàu vỏ gỗ đi vào Cà Mau thành công, khẳng định chúng ta có thể vận chuyển bằng đường biển lâu dài, cần phải có những phương tiện vận chuyển tốt hơn đi trong mọi thời tiết. Quân ủy Trung ương chủ trương nhanh chóng đầu tư, trang bị cho Đoàn 759 loại tàu vỏ sắt trọng tải từ 50 tấn đến 100 tấn. Cuối năm 1962, Bộ Tổng Tư lệnh đề nghị Xưởng đóng tàu III (Hải Phòng) thuộc Bộ Giao thông vận tải đảm nhiệm việc đóng tàu vỏ sắt.

Ngày 17/3/1963, chiếc tàu vỏ sắt đầu tiên do đồng chí Đinh Đạt làm thuyền trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Tiến làm chính trị viên chở 44 tấn vũ khí lên đường đến bến Trà Vinh an toàn. Nhờ tổ chức tốt, kỷ luật nghiêm, ý thức trách nhiệm cao, tinh thần vững vàng và trình độ chuyên môn giỏi, những chuyến đi của Đoàn đều hoàn thành tốt nhiệm vụ và giữ được bí mật. Chỉ trong 1 năm,

Đoàn 759 đã thực hiện 29 chuyến hàng vào Nam Bộ, vận chuyển 1.430 tấn vũ khí cho chiến trường, đạt hệ số vận chuyển cao.

Phát huy kết quả vận chuyển bằng đường biển chi viện cho chiến trường Nam Bộ, Bộ Quốc phòng chỉ thị cho Khu 7 mở bến đón tàu. Đoàn 759 được lệnh chuẩn bị một tàu chở vũ khí đột phá mở đường mới vào bến Bà Rịa. Đêm 26/9/1963, chiếc tàu gỗ mang số hiệu 41 do đồng chí Lê Văn Một làm thuyền trưởng, đồng chí Đặng Văn Thanh là Chính trị viên tàu cùng 11 thủy thủ, chở 18 tấn vũ khí xuất phát tại cảng Bính Động (Hải Phòng) đã mở bến vào Bà Rịa thành công, chi viện vũ khí kịp thời cho Khu 7.

Tháng 8/1963, Quân ủy Trung ương quyết định giao Đoàn 759 trực thuộc Cục Hải quân. Ngày 29/01/1964, Bộ Quốc phòng quyết định đổi phiên hiệu Đoàn 759 thành Đoàn 125 trực thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân. Từ năm 1962 - 1964, Đoàn 125 đã huy động 17 tàu vỏ sắt, 3 tàu vỏ gỗ, tổ chức 79 chuyến vận chuyển hơn 4.000 tấn vũ khí trang bị và cán bộ trung, cao cấp của Đảng và Quân đội vào miền Nam. Tàu của Đoàn đã cập bến Bạc Liêu (Cà Mau) 43 lần, Bến Tre 17 lần, Trà Vinh 14 lần, Bà Rịa 2 lần, Phú Yên 2 lần, Bình Định 1 lần. Số vũ khí đã đến chiến trường Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ và Khu 7 đúng lúc, trực tiếp góp phần cùng các lực lượng vũ trang giành nhiều thắng lợi oanh liệt như chiến thắng Ấp Bắc, Đầm Dơi, Cái Nước, Chà Lã, Vạn Tường, Ba Gia, Bình Giã... làm thất bại về căn bản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - ngụy trên chiến trường miền Nam.

Cuối năm 1964, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định giao nhiệm vụ cho Bộ Tư lệnh Hải quân nghiên cứu mở rộng tuyến vận tải đường biển vào các bến thuộc địa bàn Khu 5. Ngày 21/9/1964, Tàu 401 được lệnh lên đường vào Khu 5 và cập bến Lộ Diêu sáng ngày 01/11/1964, toàn bộ vũ khí được cất giấu an toàn, do mắc cạn, Tàu 401 bị hỏng nặng và được đốt cháy để xóa dấu vết. Trước tình hình trên, Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ thị: Không sử dụng bến Lộ Diêu nữa mà tìm cách đưa hàng vào bến mới ở Phú Yên.

Chấp hành chỉ thị của Đại tướng, Bộ Tư lệnh Hải quân quyết định chọn bến Vũng Rô làm điểm giao hàng cho chiến trường Phú Yên. Tàu 41 nhận lệnh chở vũ khí cập bến Vũng Rô cả 3 chuyến đều thắng lợi, an toàn. Có vũ khí từ miền Bắc chuyển vào, tháng 12/1964, Bộ Tư lệnh Khu V đã mở các đợt tác chiến tiêu diệt quân chủ lực ngụy, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy phá kìm, diệt ác, giải phóng một số vùng ở đông bằng Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, góp phần làm chuyển biến cục diện chung trên toàn Miền.

Công việc vận chuyển đang tiến triển thuận lợi thì xảy ra sự kiện Tàu 143 bị lộ ở Vũng Rô ngày 16/2/1965. Con đường vận chuyển chiến lược trên biển không còn giữ được bí mật nữa. Biết rõ ý đồ của ta, địch tăng cường tuần tiễu, phong tỏa và kiểm soát chặt chẽ. Việc vận chuyển vũ khí, hàng hóa quân sự chi viện cho chiến trường miền Nam bằng đường biển gặp muôn vàn khó khăn, Quân ủy Trung ương quyết định tạm ngừng việc vận chuyển bằng đường biển vào miền Nam để nghiên cứu tìm phương thức vận chuyển mới, phù hợp với tình hình.

b) Giai đoạn 1965 - 1972: Vượt qua thử thách ác liệt, khắc phục khó khăn, tiếp tục vận chuyển chi viện cho chiến trường, góp phần đánh thắng chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ

Trong điều kiện yếu tố bí mật, bất ngờ của tuyến đường biển không còn và bị địch kiểm toả gắt gao, công tác chuẩn bị cho chuyển mở đường được tiến hành

khẩn trương, chặt chẽ, chu đáo. Đoàn 125 giao cho Tàu 42 gồm 16 thủy thủ do đồng chí Nguyễn Văn Cứng làm thuyền trưởng và đồng chí Nguyễn Ngọc Ân làm Chính trị viên tàu. Đêm 15/10/1965, Tàu 42 chở 60 tấn vũ khí nhỏ neo, xuất bến; đêm 24/10, Tàu cập bến Rạch Kiến Vàng (Cà Mau) an toàn. Tiếp theo các Tàu 69 và Tàu 68 lần lượt lên đường thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao.

Trong Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, từ ngày 23 đến ngày 27/02/1968, Bộ Tư lệnh Hải quân sử dụng 4 tàu: 165, 56, 54 và 235 lên đường làm nhiệm vụ chi viện cho chiến trường và làm phân tán sự đối phó của địch.

Kết thúc giai đoạn vận chuyển cực kỳ ác liệt, từ tháng 10/1965 đến tháng 3/1968, Đoàn 125 đã tổ chức 37 chuyến vận chuyển, trong đó có 17 chuyến thành công, chở 310 tấn vũ khí cho chiến trường.

Trước thất bại trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc và tổn thất nặng nề trên chiến trường miền Nam, ngày 31/3/1968, Mỹ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc. Theo chỉ thị của Tư lệnh Quân chủng Hải quân, Đoàn 125 tham gia "Chiến dịch Vận chuyển VT5" (vận chuyển hàng hóa, vũ khí từ Hải Phòng vào Sông Gianh - Quảng Bình) và từ đây sẽ được các lực lượng vận chuyển vào chiến trường miền Nam bằng đường bộ. Với phương châm chỉ đạo: "Chuẩn bị chu đáo, tranh thủ thời cơ, làm nhanh, gọn, liên tục, an toàn, đi gần bờ, dựa vào dân", từ ngày 03/11/1968 đến ngày 29/01/1969, vượt qua hàng rào phong tỏa dày đặc thủy lôi và bom từ trường của Mỹ, Đoàn 125 đã huy động 364 lượt tàu, vận chuyển 21.737 tấn hàng, đạt 217,37% kế hoạch.

Tháng 02/1969, Đoàn 125 tiếp tục "Chiến dịch Vận chuyển VT5", với 187 chuyến tàu, vận chuyển 10.889 tấn hàng hóa, vượt chỉ tiêu 1.000 tấn, góp phần chi viện cho chiến trường, đặc biệt là chiến trường Thừa Thiên - Huế và Mặt trận Khu 5. Tết Nguyên đán năm 1969, cán bộ, chiến sĩ Đoàn 125 vinh dự được Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng gửi tặng lẵng hoa và đón Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến thăm, chúc tết đơn vị.

Tháng 7/1969, sau khi rút kinh nghiệm từ những chuyến đi thành công và không thành công, Đoàn 125 sử dụng Tàu 42 cải trang thành tàu nghiên cứu biển, đi trinh sát để tìm phương thức vận chuyển mới. Từ kết quả của chuyến đi trinh sát, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng nhận định tình hình và quyết định chuẩn bị đợt vận chuyển lớn vào chiến trường Khu 5, 6, 8 và Khu 9. Năm 1970, Đoàn 125 đã tổ chức 15 chuyến đi, song chỉ có 5 chuyến vào được bến, 9 chuyến gặp địch tuần tra, kiểm soát gắt gao, để giữ bí mật của con đường chiến lược, đành phải quay về, một chuyến buộc phải phá tàu.

Ngày 27/7/1971, Quân khu 9 thành lập đoàn vận tải S950, đến năm 1972 đổi tên là Đoàn 371. Từ năm 1971 đến năm 1972, Đoàn đã tổ chức 37 chuyến đi, vận chuyển được 620 tấn vũ khí vào chiến trường Khu 9 an toàn.

Từ tháng 10/1971 đến tháng 4/1972, Đoàn 125 tổ chức liên tục 20 chuyến, nhưng chỉ có một chuyến tàu tới đích. Kết quả tuy hạn chế, nhưng đã góp phần thúc đẩy sự hoàn thiện của "phương thức vận tải công khai" trong giai đoạn sau.

Giai đoạn 1965 - 1972, cán bộ, chiến sĩ Đoàn 125 phải đối mặt với những thử thách gay go, ác liệt. Trong đội ngũ trung kiên của Đoàn, xuất hiện nhiều tấm gương hy sinh anh dũng, nhiều con tàu ra đi không trở lại, nhiều đồng chí, đồng đội đã vĩnh viễn yên nghỉ nơi biển cả mênh mông. Con đường vận chuyển trên biển trở thành

một kỳ tích, huyền thoại, góp phần cùng quân và dân miền Nam đánh thắng chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ.

c) Giai đoạn 1973 - 1975: Tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, Đoàn 125 tiếp tục củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng, thành lập thêm tiểu đoàn, tiếp nhận tàu mới, tăng cường huấn luyện nâng cao trình độ mọi mặt và rèn luyện ý chí chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ, sẵn sàng lên đường khi có lệnh.

Với tinh thần trách nhiệm cao, trong 2 năm 1973 và 1974, Đoàn đã huy động 380 lượt tàu ra khơi, chuyên chở trên 43.000 tấn hàng, đưa 2.042 lượt cán bộ, chiến sĩ từ hậu phương ra tiền tuyến và từ đất liền ra các đảo, vượt qua chặng đường 158.292 hải lý an toàn.

Cuối năm 1974, tình hình chiến trường miền Nam chuyển biến mau lẹ có lợi cho ta, Bộ Tổng Tham mưu chỉ thị cho Đoàn 125 vận chuyển vũ khí và bộ đội vào sâu hơn nữa, sát hơn nữa nơi ta mở chiến dịch. Đoàn 125 đã huy động toàn bộ lực lượng thực hiện đợt vận chuyển binh lực đợt kích chủ yếu vào chiến trường (mặt danh T5) và vận chuyển phục vụ Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử với tinh thần “Thần tốc, táo bạo chở người và vũ khí vào mặt trận”. Trong tháng 3,4/1975, Đoàn đã vận chuyển 17.473 cán bộ, chiến sĩ các đơn vị chủ lực vào chiến trường; 40 xe tăng và 7.886 tấn vũ khí, nhiên liệu... góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 04/4/1975, Bộ Tổng Tham mưu chỉ thị cho Quân chủng Hải quân khẩn trương chuẩn bị lực lượng để giải phóng các đảo thuộc quần đảo Trường Sa. Đoàn 125 nhanh chóng thành lập một biên đội gồm 3 tàu: Tàu 673, 674, 675, hành quân từ Hải Phòng vào Đà Nẵng chờ Đoàn 126 Bộ đội Đặc công Hải quân và một bộ phận của Tiểu đoàn 471 Đặc công Quân khu 5 ra giải phóng đảo. Từ ngày 14-29/4/1975, các lực lượng của ta đã nhanh chóng giải phóng và tiếp quản các đảo Song Tử Tây, Sơn Ca, Nam Yết, Sinh Tồn và Trường Sa lớn. Tiếp đó, Đoàn 125 tham gia giải phóng một số đảo ở miền Trung và vùng biển Tây Nam.

d) Giai đoạn 1975 - nay: Tiếp tục tham gia vận chuyển và chiến đấu, góp phần xây dựng, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, thêm lực địa thiêng liêng của Tổ quốc và hoàn thành nhiệm vụ quốc tế vẻ vang

Đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ chủ yếu lúc này của Đoàn 125 là vận tải cho các tuyến đảo xa vừa mới giải phóng và phục vụ đi lại của cán bộ, Nhân dân 2 miền Nam - Bắc, trong đó nhiệm vụ vận chuyển cho Trường Sa được đặt lên hàng đầu. Từ tháng 5/1975 đến hết năm 1975, Đoàn 125 đã huy động 121 lần chiếc tàu, hành trình 64.856 hải lý, chở 40.809 tấn hàng và 14.762 lượt người an toàn.

Ngày 26/10/1975, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 142-QĐ/QP “Về tổ chức lực lượng Lữ đoàn 172”, trong đó Đoàn 125 đổi tên thành Hải đoàn 125 và sáp nhập vào Lữ đoàn 172. Năm 1976, lần đầu tiên chiến dịch vận chuyển cho quần đảo Trường Sa được thực hiện. Hải đoàn 125 đã huy động 11 lượt tàu, đi 22 chuyến, chở 2.300 tấn hàng ra đảo và làm nhiệm vụ cắm mốc chủ quyền, chở các tù chính trị từ đảo Phú Quốc về đất liền an toàn.

Từ năm 1976 - 1981, Hải đoàn 125 đã huy động 127 lần chuyến tàu, chở 23.214 tấn hàng và 6.696 lượt cán bộ, chiến sĩ từ đất liền ra đảo, góp phần tăng

cường sức mạnh phòng thủ đảo, ổn định một bước nơi ăn ở, sinh hoạt của bộ đội trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa. Đồng thời, trong 2 năm (1978 và 1979), Hải đoàn 125 đã tổ chức 48 chuyến, vận chuyển hàng nghìn tấn vật liệu xây dựng công trình chiến đấu, hàng trăm tấn vật chất hậu cần phục vụ sinh hoạt cho bộ đội trên các đảo dọc tuyến Đông Bắc, trọng tâm là đảo Bạch Long Vĩ, Vạn Hoa.

Trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, lực lượng vận tải quân sự Quân chủng Hải quân đã tổ chức 139 lần chuyến tàu, chở 19.790 tấn hàng hóa quân sự và 25.151 lượt cán bộ, chiến sĩ ra chiến trường và đổ bộ chiến đấu, làm nhiệm vụ quốc tế trong chiến dịch Tà Lơn, cùng các lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia thực hiện cuộc tiến công và nổi dậy, đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt, giúp nhân dân Campuchia hồi sinh, tái thiết đất nước.

Đề phù hợp với nhiệm vụ vận tải chi viện đảo trong tình hình mới, ngày 12/02/1979, Hải đoàn 125 được Bộ Quốc phòng quyết định nâng cấp thành Lữ đoàn 125 thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân, làm nhiệm vụ vận tải quân sự, đánh dấu một giai đoạn phát triển và trưởng thành mới của đơn vị.

Sau thắng lợi trong cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới và làm nghĩa vụ quốc tế, việc tăng cường khả năng phòng thủ đất nước nói chung và phòng thủ biển, đảo nói riêng, nhất là ở quần đảo Trường Sa được đặc biệt coi trọng. Đề nâng cao hiệu quả điều hành công tác vận chuyển cho Trường Sa, bắt đầu từ mùa vận chuyển năm 1981, Quân chủng Hải quân đã áp dụng phương thức khoán khối lượng vận chuyển cho từng tàu và từng hải đội. Phong trào thi đua quay vòng, tăng chuyến, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người và phương tiện đã diễn ra sôi nổi giữa các tàu. Tổng kết 5 năm (1980 - 1985) lực lượng vận tải quân sự của Quân chủng đã vận chuyển 652.530 tấn hàng hóa, vật liệu xây dựng cho các đảo xa và các đơn vị trong Quân chủng (Lữ đoàn 125 đã huy động 993 lần chuyến tàu vận chuyển cho Trường Sa, chở 112.932 tấn hàng hóa, vũ khí).

Cuối năm 1987 đầu năm 1988, tình hình trên vùng biển quần đảo Trường Sa trở nên căng thẳng và phức tạp; thực hiện quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị và nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng giao, với tinh thần "Tất cả vì Trường Sa thân yêu", cán bộ, chiến sĩ trên các tàu vận tải đã chạy đua với thời gian, vượt qua mọi hiểm nguy, sóng gió; khảo sát, thăm dò, vận tải và chốt giữ đảo, cùng các lực lượng trong Quân chủng tăng cường sức mạnh phòng thủ trên các đảo chìm và đảo nổi.

Năm 1988, các lực lượng vận tải quân sự trong Quân chủng vận chuyển chiến đấu với khối lượng tăng gấp 7 lần so với năm 1987 và hoàn thành kế hoạch vận chuyển 46.300 tấn hàng phục vụ cho chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, 129.453 tấn hàng phục vụ cho sinh hoạt thường xuyên, đạt khối lượng vận chuyển 44.438.686 tấn (Lữ đoàn 125 đã huy động 318 lần chuyến tàu, vận chuyển 22.564 tấn).

Năm 1989, thực hiện Hiệp ước ký kết giữa hai Nhà nước Việt Nam và Campuchia, lực lượng tàu vận tải quân sự Hải quân, trong đó có Lữ đoàn 125 đã hoàn thành thắng lợi 8 đợt vận chuyển quân tình nguyện Việt Nam từ Campuchia về nước, bảo đảm an toàn tuyệt đối về người và phương tiện.

Những năm gần đây, các lực lượng vận tải quân sự trong Quân chủng được bổ sung hàng chục tàu vận tải đóng mới có trang bị đồng bộ, có trọng tải lớn để thay thế số tàu nhỏ, trọng tải ít. Từ năm 2000 đến nay, lực lượng vận tải quân sự Hải quân đã vượt qua sóng gió và mọi khó khăn thử thách, vận chuyển hàng triệu tấn hàng, trung bình hằng năm hoàn thành từ 100% đến 105% kế hoạch. Riêng Lữ đoàn 125,

từ năm 2011 đến 2020 đã tổ chức 385 lần chuyển, chở 293.390 tấn hàng hóa các loại; đưa, đón và phục vụ 2.493 lượt người, hành trình 281.312 hải lý an toàn.

Cùng với thực hiện nhiệm vụ vận tải biển, các tàu vận tải Hải quân đã tham gia nhiều chuyến trực bảo vệ chủ quyền trên biển, kịp thời phát hiện sớm những vấn đề nảy sinh, chủ động đấu tranh, ngăn chặn tàu thuyền nước ngoài vi phạm chủ quyền vùng biển của nước ta, thực hiện đúng đối sách, kiên quyết trong bảo vệ chủ quyền, giữ vững môi trường hòa bình; thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống bão lụt, cứu hộ, cứu nạn trên biển, góp phần giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp, phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" trong lòng Nhân dân.

II. TRUYỀN THỐNG VỀ VANG CỦA ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH TRÊN BIỂN

Đường Hồ Chí Minh trên biển là một thiên anh hùng ca bất tử, một bộ phận quan trọng của hệ thống vận tải quân sự chiến lược trong cuộc kháng chiến chống xâm lược, giải phóng đất nước, xây dựng nên truyền thống về vang.

Một là, trung thành vô hạn với Đảng, với Tổ quốc, với chế độ xã hội chủ nghĩa và nhân dân; nêu cao ý chí quật cường, dũng cảm; khát vọng độc lập, tự do và niềm tin vào thắng lợi cuối cùng; sẵn sàng xả thân chiến đấu hy sinh để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng mở đường vận chuyển chi viện cho chiến trường miền Nam, lực lượng vận tải quân sự đường biển đã nêu cao ý chí quật cường, dũng cảm vượt qua mọi khó khăn, thử thách ác liệt và chiến thắng về vang. Tiêu biểu như Tàu 41, 42, 154... các đồng chí Bông Văn Dĩa, Phan Văn Nhờ (tức Tư Mau), Nguyễn Phan Vinh, Nguyễn Văn Hiệu... là điển hình của những tập thể, cá nhân anh hùng; và biết bao người con ưu tú của Tổ quốc đã anh dũng hy sinh ở lại với con đường biển mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh. Họ đã làm rạng rỡ truyền thống về vang của Hải quân nhân dân Việt Nam anh hùng, góp phần to lớn vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hai là, phát huy sức mạnh tổng hợp, chỉ huy tập trung thống nhất, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng, chính quyền và Nhân dân các địa phương, sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Công tác vận chuyển chi viện cho chiến trường miền Nam là công việc vô cùng khó khăn, ác liệt, nhưng với tinh thần quả cảm và trình độ nghiệp vụ tinh thông, trình độ tổ chức, chỉ huy thống nhất, kiên quyết, bí mật, hiệp đồng chặt chẽ, kết hợp chiến thuật với kỹ thuật, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt; cán bộ, chiến sĩ tuyến vận tải biển của Hải quân nhân dân Việt Nam đã được sự đùm bọc, chở che của các lực lượng, chính quyền và Nhân dân các địa phương hai miền Nam - Bắc; được sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế trong chuyên chở, tiếp nhận hàng hóa, vũ khí, cung cấp lương thực, thực phẩm, sửa chữa tàu, thuyền, cấp cứu cán bộ, chiến sĩ bị thương, ốm đau... Tất cả những yếu tố đó đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, làm nên huyền thoại của một con Đường Hồ Chí Minh trên biển.

Ba là, nêu cao ý thức độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; đoàn kết, thống nhất, kỷ luật nghiêm minh; nắm vững khoa học kỹ thuật; khắc phục khó khăn, phá thế bao vây của địch; linh hoạt, mưu trí, sáng tạo, liên tục tiến công, quyết chiến, quyết thắng; tìm ra nhiều phương thức vận chuyển có hiệu quả.

Ra đời và trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ngày đầu lực lượng vận tải quân sự trên biển chỉ có 4 tàu gỗ thô sơ gắn máy và 38 cán bộ, chiến sĩ làm nòng cốt, cán bộ, với trang bị hàng hải thô sơ, nhưng bằng trình độ và kinh nghiệm dày dặn, đã nắm vững kỹ thuật điều khiển tàu và khả năng phán đoán thời tiết, nắm vững địa hình, hàng hải thiên văn, giữ nghiêm kỷ luật chiến trường; mưu trí, khéo léo kết hợp với cải dạng, ngụy trang, nghi binh, tạo nên yếu tố bí mật, bất ngờ; kết hợp giữa hoạt động bí mật và công khai, giữa du kích và hiện đại, giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh quốc tế, sáng tạo ra chiến thuật độc đáo trong vận tải. Sau một thời gian hoạt động đã trở thành lữ đoàn vận tải, đảm đương hướng chiến lược trên biển, với những trang bị từng bước hiện đại, đưa vũ khí đạn dược và đưa, đón cán bộ, chiến sĩ vào các chiến trường đúng lúc, đúng thời cơ; góp phần duy trì, phát triển chiến tranh cách mạng, làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Với những thành tích xuất sắc đã đạt được, tháng 9/1963, Đoàn 759 đã được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Hai; Tàu 41 được tặng Huân chương Quân công hạng Nhất; các tàu 43, 54, 55 và 56 được tặng Huân chương Chiến công hạng Nhất; các tàu 42, 67 và 68 được tặng Huân chương Chiến công hạng Nhì. Đoàn 125 được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhất ngày 30/4/1966, Danh hiệu đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân lần thứ nhất ngày 01/01/1967 và lần thứ hai ngày 03/6/1976. Tổng kết đợt hoạt động “Chiến dịch CQ-88” (năm 1988), Lữ đoàn 125 có 2 tập thể: Tàu HQ505, tàu HQ931 và 1 cá nhân được tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Lữ đoàn 125 được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhất (năm 2011), Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhì (năm 2016).

III. PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VỀ VANG TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Trong những năm tới, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến hết sức nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, quyết liệt hơn. Hòa bình, ổn định, tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột.

Ở trong nước, sau 35 năm đổi mới, thể và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước ta. Nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, thêm lục địa của Tổ quốc và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định trên các vùng biển, đảo đã và đang đặt ra những yêu cầu mới. Để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ được giao, đòi hỏi cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, cán bộ, đảng viên và các lực lượng làm nhiệm vụ trên biển, đảo cần tập trung thực hiện tốt những nội dung cơ bản sau:

Một là, tổ chức nghiên cứu, quán triệt, học tập, tuyên truyền và triển khai thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo; phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền

vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển.

Hai là, tích cực tham gia xây dựng nền quốc phòng, an ninh, đối ngoại vùng biển và ven biển vững mạnh. Phát huy sức mạnh tổng hợp, giữ vững độc lập chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải, vùng trời của Tổ quốc. Kết hợp chặt chẽ các hình thức, biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng trong quản lý, bảo vệ vùng trời, vùng biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc. Phát triển kinh tế gắn liền với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc trên các vùng biển, đảo. Có chính sách thu hút, khuyến khích nhân dân ra đảo định cư lâu dài và làm ăn dài ngày trên biển, bảo đảm vừa phát triển kinh tế, vừa làm nhiệm vụ bảo vệ vùng biển của Tổ quốc.

Ba là, xây dựng các lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa của của Tổ quốc vững mạnh toàn diện theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và hiện đại; nòng cốt là Hải quân nhân dân Việt Nam, Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ đội Biên phòng, Dân quân tự vệ biển và lực lượng Kiểm ngư vững mạnh. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, trọng tâm là chi bộ và vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên làm nhiệm vụ trên các vùng biển, đảo.

Bốn là, tích cực, chủ động phối hợp với các lực lượng thực hiện tốt nhiệm vụ giúp dân phòng, tránh, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, chăm sóc sức khỏe, giúp đỡ Nhân dân làm ăn trên các vùng biển và ổn định đời sống nhân dân trên các đảo. Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với các gia đình có thân nhân, chiến sĩ đang làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Năm là, quán triệt và thực hiện tốt đường lối đối ngoại của Đảng, nhất là hoạt động đối ngoại quốc phòng, tôn trọng chủ quyền và lợi ích hợp pháp của các nước trên biển. Kiên quyết, kiên trì giải quyết tranh chấp, bất đồng trên biển, đảo bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Tham gia tốt các hoạt động giao lưu với hải quân các nước trong khu vực và trên thế giới; phối hợp hiệp đồng chặt chẽ trong tuần tra, diễn tập, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, chống cướp biển... nhằm giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, trật tự, an ninh và phát triển kinh tế biển.

Sáu là, tiếp tục phát huy truyền thống Đường Hồ Chí Minh trên biển, nêu cao ý thức độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; chủ động, sáng tạo, cần kiệm lao động sản xuất, tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho bộ đội; làm chủ vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện có, thực hiện tốt Cuộc vận động "Quản lý, khai thác vũ khí trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và an toàn giao thông".

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG - TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ QĐND VIỆT NAM

